

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

Số: 62/BVĐHYD-VTTB

V/v mời chào giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 1 năm 2023

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm Cung cấp giấy vệ sinh theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp giấy vệ sinh;
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm;
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng;
4. Loại hợp đồng: Trọn gói.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 4 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 16/1/2023
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị, Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 đường Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP HCM

Người liên hệ: Chị Chu Thị Kim Lan

Số điện thoại: 028 3952 5244

10. Yêu cầu khác:

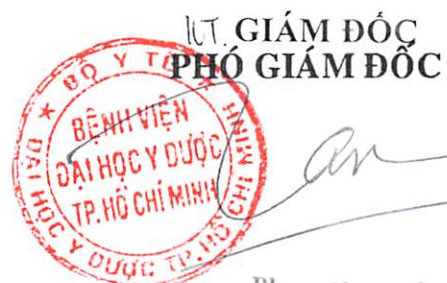
Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (M06-048-ctklan)(02).



Phạm Văn Tấn

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ

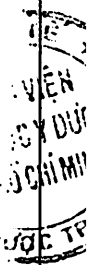
(Kèm theo Thư mời chào giá số ...62.../BVĐHYD-VTTB ngày 10/.../2023)

TT	Tên hàng hóa	Mô tả sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1.	Giấy VS trắng 2 lớp	- Giấy 2 lớp, có lõi, đóng gói 10 cuộn/gói . - Định lượng: $\geq 17\text{gsm} \pm 2$ - Trọng lượng: $\geq 100\text{g/cuộn}$ - Chiều cao cuộn: $\geq 100\text{mm}$ - Chiều dài: $\geq 25\text{m}$, giấy 2 lớp - Nguyên liệu: 100% bột giấy nguyên chất. - Yêu cầu ngoại quan: + Giấy trắng, độ trắng $\geq 80\%$, bề mặt giấy sạch, đồng đều, mềm mại và không có khuyết tật như: Lỗ thủng, giấy vón cục trên bề mặt. + Giấy không mùi, không bụi. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm - Chỉ tiêu cơ lý: + Độ bền kéo đối với 1 lớp giấy trung bình: theo chiều dọc 120N/m, theo chiều ngang: 40N/m + Dễ tan trong nước, khả năng hấp thụ nước: $\text{g/g} \geq 6,0$ - Chỉ tiêu hóa học: + Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm^2, không lớn hơn 0,002. + Hàm lượng Phomaldehyle 0,002	cuộn	234.000	
2.	Khăn giấy hộp 180 tờ	- Số lượng: 180 tờ/ hộp, - Kích thước: 18x20 (cm) x 2 lớp. - Định lượng $\geq 14\text{gsm} \pm 2\%$ - Nguyên liệu: 100% bột giấy nguyên chất. - Yêu cầu ngoại quan: + Giấy trắng, độ trắng $\geq 80\%$, bề mặt giấy sạch, đồng đều, mềm mại và không có khuyết tật như: Lỗ thủng, giấy vón cục trên bề mặt. + Giấy không mùi, không bụi. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm - Chỉ tiêu cơ lý: + Độ bền kéo đối với 1 lớp giấy trung bình: theo chiều dọc 80N/m, theo chiều ngang: 30N/m + Dễ tan trong nước, khả năng hấp thụ nước: $\text{g/g} \geq 7,0$ - Chỉ tiêu hóa học:	hộp	400	



TT	Tên hàng hóa	Mô tả sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		+ Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm ² , không lớn hơn 0,002. + Hàm lượng Phomaldehyle 0,002			
3.	Khăn giấy hộp 100 tờ	- Số lượng: 100 tờ/ hộp, - Kích thước: 18x20 (cm) x 2 lớp. - Định lượng $\geq 14 \text{ gsm} \pm 2 \%$ - Nguyên liệu: 100% bột giấy nguyên chất. - Yêu cầu ngoại quan: + Giấy trắng, độ trắng $\geq 80 \%$, bề mặt giấy sạch, đồng đều, mềm mại và không có khuyết tật như: Lỗ thủng, giấy vón cục trên bề mặt + Giấy không mùi, không bụi. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm - Chỉ tiêu cơ lý: + Độ bền kéo đối với 1 lớp giấy trung bình: theo chiều dọc 80N/m, theo chiều ngang: 30N/m + Dễ tan trong nước, khả năng hấp thụ nước: g/g $\geq 7,0$ - Chỉ tiêu hóa học: + Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm ² , không lớn hơn 0,002. + Hàm lượng Phomaldehyle 0,002	Hộp	55.000	
4.	Khăn giấy Napkin	- Số lượng: 100 tờ/ xấp, - Kích thước: 33x33cm. - Định lượng $\geq 17 \text{ gsm} \pm 2 \%$ - Nguyên liệu: 100% bột giấy nguyên chất. - Yêu cầu ngoại quan: + Giấy trắng nếp nổi, độ trắng $\geq 80 \%$, bề mặt giấy sạch, đồng đều, mềm mại và không có khuyết tật như: Lỗ thủng, giấy vón cục trên bề mặt. + Giấy không mùi, không bụi. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm - Chỉ tiêu cơ lý: + Độ bền kéo: theo chiều dọc 100/m, theo chiều ngang: 45N/m + Dễ tan trong nước, khả năng hấp thụ nước: g/g $\geq 7,0$ - Chỉ tiêu hóa học: + Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm ² , không lớn hơn 0,002. + Hàm lượng Phomaldehyle 0,002	xấp	17.000	
5.	Giấy cuộn lớn	- Trọng lượng $\geq 700\text{g/cuộn}$	cuộn	42.000	

TT	Tên hàng hóa	Mô tả sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Định lượng $\geq 17 \text{ gsm} \pm 2 \%$ - Chiều dài: $\geq 200\text{m}$, giấy 2 lớp - Chiều cao cuộn: $\geq 95\text{mm}$ - Nguyên liệu: 100% bột giấy nguyên chất. - Yêu cầu ngoại quan: + Giấy trắng, độ trắng $\geq 80 \%$, bề mặt giấy sạch, đồng đều, mềm mại và không có khuyết tật như: Lỗ thủng, giấy vón cục trên bề mặt. + Giấy không mùi, không bụi. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm - Chỉ tiêu cơ lý: + Độ bền kéo: theo chiều dọc 120N/m, theo chiều ngang: 40N/m + Dễ tan trong nước, khả năng hấp thụ nước: $\text{g/g} \geq 6,0$ - Chỉ tiêu hóa học: + Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm^2, không lớn hơn 0,002. + Hàm lượng Phomaldehyle 0,002			
6.	Giấy rút	- Số lượng: 100 tờ/ xấp, - Kích thước: 20x20cm. - Định lượng $\geq 20 \text{ gsm} \pm 2 \%$ - Nguyên liệu: 100% bột giấy nguyên chất. - Yêu cầu ngoại quan: + Giấy trắng rập nổi, độ trắng $\geq 80 \%$, bề mặt giấy sạch, đồng đều, mềm mại và không có khuyết tật như: Lỗ thủng, giấy không vón cục, khác màu. + Giấy không mùi, không bụi. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm - Chỉ tiêu cơ lý: + Độ bền kéo: theo chiều dọc 150N/m, theo chiều ngang: 40N/m + Dễ tan trong nước, khả năng hấp thụ nước: $\text{g/g} \geq 7,0$ - Chỉ tiêu hóa học: + Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm^2, không lớn hơn 0,002. + Hàm lượng Phomaldehyle 0,002	xấp	170.000	



TT	Tên hàng hóa	Mô tả sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
7.	Giấy y tế 35x25 (cm)	- Đóng gói: Xấp 1 kg - Kích thước tờ: 25*35cm, giấy 1 lớp; khoảng 350 tờ/ 1 kg. - Định lượng: $\geq 30\text{g/m}^2/1$ lớp - Yêu cầu ngoại quan: + Giấy trắng rập nổi, độ trắng $\geq 80\%$, bề mặt giấy sạch, đồng đều, mềm mại và không có khuyết tật như: Lỗ thủng, giấy vón cục trên bề mặt. + Giấy không mùi, không bụi. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm - Chỉ tiêu cơ lý: + Độ bền kéo: theo chiều dọc 120N/m, theo chiều ngang: 40N/m + Dễ tan trong nước, khả năng hấp thụ nước: $\text{g/g} \geq 6,0$ - Chỉ tiêu hóa học: + Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm^2, không lớn hơn 0,002. + Hàm lượng Formaldehyd 0,002'	xấp	25.000	
8.	Giấy y tế 40x50 (cm)	- Đóng gói: Xấp 1 kg - Kích thước tờ: 40*50cm, giấy 1 lớp; khoảng 150 tờ/ 1 kg. - Định lượng: $\geq 30\text{g/m}^2/1$ lớp - Yêu cầu ngoại quan: + Giấy trắng rập nổi, độ trắng $\geq 80\%$, bề mặt giấy sạch, đồng đều, mềm mại và không có khuyết tật như: Lỗ thủng, giấy vón cục trên bề mặt. + Giấy không mùi, không bụi. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, mã sản phẩm (nếu có), đủ thông tin về số lượng, số lớp/số tờ, ... trên mỗi sản phẩm - Chỉ tiêu cơ lý: + Độ bền kéo: theo chiều dọc 120N/m, theo chiều ngang: 40N/m + Dễ tan trong nước, khả năng hấp thụ nước: $\text{g/g} \geq 6,0$ - Chỉ tiêu hóa học: + Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm^2, không lớn hơn 0,002. + Hàm lượng Formaldehyd 0,002'	xấp	1.100	
9.	Xà bông nước rửa tay	- Dung dịch vệ sinh tay - Đóng gói: 5 lít/ can - Yêu cầu ngoại quan: + Xà bông có màu trắng, sạch, không đóng	lít	4.600	

TT	Tên hàng hóa	Mô tả sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		cục gây khó khăn trong quá trình sử dụng. + Không tạp chất và không có mùi khó chịu. + Bao bì đóng gói sạch sẽ và có đủ thông tin: Tên nhà sản xuất, tên sản phẩm, số lượng trên mỗi sản phẩm - Chi tiêu hóa học: + Hàm lượng chì (Pb), cadimi (Cd), thủy ngân (Hg), mg/dm², không lớn hơn 0,002.			

